

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

THÁI NGUYÊN - NGÀY 01/3/2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

TÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377
- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 250.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.843.185
- Số Fax: 02083.843.185
- Website: <http://ximangquantrieu.com>
- Mã cổ phiếu: CQT

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là một doanh nghiệp hạch toán độc lập và là Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV- CTCP, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 6 ngày 16/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377, với các cổ đông sáng lập là các Công ty có tiềm lực tài chính và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, cụ thể gồm: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP; Công ty Than Khánh Hòa VVMI; Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

Ngày 31/05/2007, Công ty chính thức hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 120 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 250 tỷ đồng. Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (nắm giữ 21.228.014 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,91% tổng số vốn điều lệ của Công ty).

❖ **Quá trình tăng vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty cổ phần là 120.000.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô, cụ thể:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/02/2008 đã nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng) cho cổ đông hiện hữu, thời gian thực hiện vào Quý IV năm 2008.

- Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/5/2008 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng), thời gian thực hiện từ Quý I năm 2009 cho đến cuối năm 2010 và ngày 22/12/2010 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 3 với mức vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.

- Căn cứ tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy và giá trị tổng dự toán công trình, ngày 16/4/2011 tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng, phát hành cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông góp vốn theo tiến độ; ngày 14/06/2017 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất xi măng, clinker và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ khác.

+ Địa bàn kinh doanh:

- Hiện tại, địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính ở Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm 6 phòng ban và 3 phân xưởng. Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI hiện nay không có các đơn vị hoạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

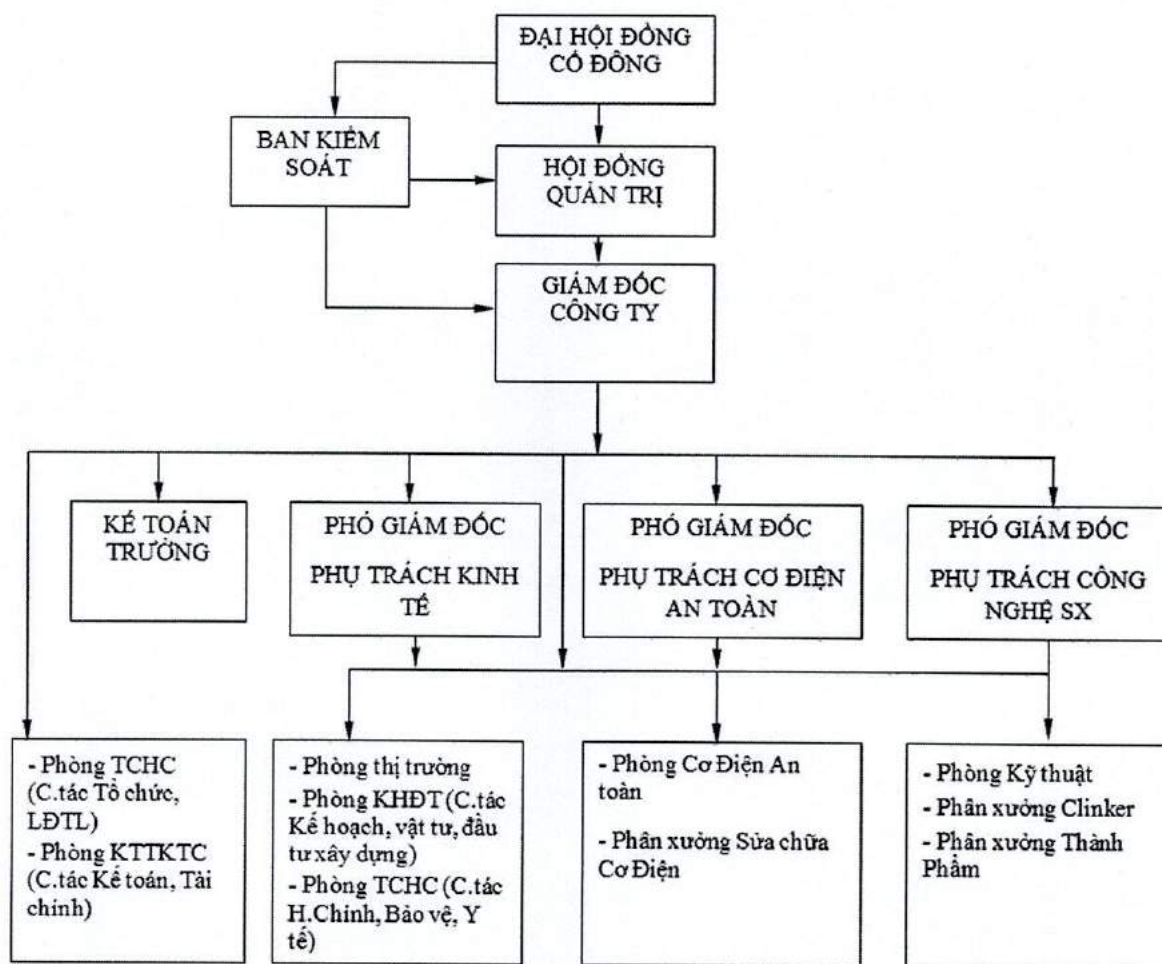
- Công ty bán hàng cho trên 90 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu ở khu vực phía Bắc, bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang,... và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (nay là số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020). Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Sơ đồ tổ chức Công ty:



Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Nhìn chung bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

❖ **Bộ máy lãnh đạo:**

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng quy định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lý Công ty.

• **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.

• **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của phòng Kế toán thống kê tài chính; tham mưu cho Giám đốc các lĩnh vực tài chính, kế toán, thống kê chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

❖ Các phòng ban chức năng:

Công ty bao gồm 6 phòng chuyên môn và 3 phân xưởng. Cụ thể: Phòng tổ chức hành chính (bao gồm: Công tác Tổ chức, LĐTL, Văn phòng, Y tế, Bảo vệ), Phòng kế toán thống kê tài chính (bao gồm: Công tác Kế toán, Tài chính, Bán hàng), Phòng kế hoạch đầu tư (bao gồm: Công tác Kế hoạch, Vật tư, Đầu tư xây dựng), Phòng kinh doanh thị trường, Phòng Cơ Điện An toàn (bao gồm: Công tác Kỹ thuật cơ điện, An toàn BHLĐ), Phòng Kỹ thuật. Các phân xưởng gồm có: Phân xưởng Clinker, Phân xưởng Thành Phẩm, Phân xưởng Sửa chữa Cơ Điện.

4. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI có định hướng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư phát triển theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của khách hàng. Cụ thể:

- Thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tiếp tục hoàn thiện Quy chế khoán nhằm giảm thiểu chí phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Triển khai thực hiện Quy chế khoán đến từng phân xưởng sản xuất và các bộ phận trong Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất;

- Đặt khách hàng là trung tâm cho mọi hoạt động của Công ty, thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt nhằm khai thác triệt để thời cơ kinh doanh;

- Thường xuyên rà soát việc bố trí sử dụng lao động tại các tổ, các bộ phận trong Công ty để bố trí hợp lý lao động trong dây chuyền sản xuất, phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động;

- Rà soát, phân loại các khoản nợ phải thu để có kế hoạch và đưa ra những biện pháp thu hồi nợ hợp lý;

- Đặc biệt quan tâm đến công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực như ký kết hợp đồng đào tạo với các trường để tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho Ban lãnh đạo Công ty;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty: Không ngừng đổi mới và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường trong sạch đối với cộng đồng và xã hội. Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động kết nối với Sở tài nguyên môi trường; lắp đặt thiết bị lọc bụi túi tại khu vực phát sinh nhiều bụi như máy đóng bao, nghiền xi... đảm bảo và giảm thiểu tối đa khói bụi ảnh hưởng đến môi trường.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Công ty xác định một mặt phải tiếp tục ổn định công tác tổ chức sản xuất, mặt khác phải đặc biệt quan tâm chú trọng đến công tác tiêu thụ, phát triển thị trường, để làm được điều đó Công ty dự kiến thực hiện các công việc sau:

5.1. Về công tác sản xuất

a. Về thiết bị:

Tuân thủ các quy định về vận hành, thường xuyên kiểm tra tình hình của máy móc, thiết bị, hệ thống dây chuyền sản xuất; rà soát tình trạng hoạt động của thiết bị để giảm thời gian dừng thiết bị do sự cố ngoài ý muốn.

Tăng cường công tác điều hành sản xuất, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong khối và bộ phận tiêu thụ để đưa ra lịch chạy hoặc dừng thiết bị hợp lý nhất, đảm bảo cho thiết bị chạy liên tục, dài ngày, hạn chế số lần khởi động và dừng thiết bị.

Tăng cường công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật; tiến hành khắc phục và sửa chữa các thiết bị như máy nghiền liệu, máy nghiền xi, máy nghiền than nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; tính toán tối ưu hóa thời gian bảo trì và thời gian chạy máy để đảm bảo thiết bị chạy ổn định nhất, chủ động dừng các thiết bị vào giờ cao điểm để giảm chi phí điện năng.

Tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất bằng cách tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa để giảm thời gian ngừng sản xuất nâng cao hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất lò nung và công suất nghiền xi măng. Cung cấp nhanh chóng, kịp thời vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để đảm bảo cho quá trình sản xuất của nhà máy được liên tục. Tăng tỷ lệ phối trộn than cám 4A Núi Hồng với than cám 7B Khánh Hòa để đảm bảo có đủ nguồn nhiên liệu phục vụ sản xuất đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Quản lý chặt chẽ hệ thống kho bãi chứa nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, khoa học.

Xây dựng kế hoạch tổng hợp, chi tiết cho từng đơn vị. Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đặt ra đối với từng đơn vị và có những biện pháp điều chỉnh cần thiết, kịp thời.

b. Về công nghệ sản xuất:

Triển khai tích cực các giải pháp công nghệ để nâng cao mác nền clinker và xi măng, tổ chức giám sát chặt chẽ hệ số phối liệu từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến khâu vận hành thiết bị để giữ phối liệu ổn định.

Nghiên cứu cân đối tỷ lệ từng loại phụ gia, tiến hành thử nghiệm khả năng hoạt tính, khả năng cải thiện màu sắc để xác định tỷ lệ phụ gia tối ưu nhằm hạ giá thành sản xuất và tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu hiện có để đáp ứng ổn định phối liệu và giảm tiêu hao các nguyên liệu điều chỉnh.

Nghiên cứu các biện pháp sản xuất clinker với chất lượng tốt, mác cao để có khả năng pha được nhiều phụ gia xi măng, tăng được khối lượng xi măng để giảm chi phí giá thành trên một tấn sản phẩm.

Công ty đã sử dụng các loại phụ gia mới như trợ nghiền, tro bay nhiệt điện, xi sau nghiền tuyển để tăng năng suất nghiền xi măng và tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, tuân thủ quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng hàng khi xuất bán.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm bằng cách kiểm tra sát sao chất lượng nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, tuân thủ quy trình kỹ thuật công nghệ, kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất bán. Đặc biệt tăng cường kiểm soát chặt chất lượng đá vôi đầu vào, dự trữ vật tư, nguyên vật liệu hợp lý phục vụ kịp thời sản xuất, xây dựng bài toán phối liệu phù hợp với sự dao động của nguyên liệu đầu vào, kiểm tra thường xuyên, liên tục chất lượng xi măng, clinker xuất bán, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng.

c. Về công tác An toàn lao động:

Đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng nghiệp.

Kiên quyết không để xảy ra tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người và sự cố thiết bị loại I, loại II.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ luật lao động đối với các cá nhân vi phạm, động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc.

Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các biện pháp an toàn trong thực hiện nhiệm vụ, tích cực cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, phòng chống độc hại tại các vị trí sản xuất.

Chấm điểm cuối năm 2020 Công ty đạt hoàn thành kế hoạch Tổng công ty giao.

d. Về thị trường tiêu thụ:

Thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành của Tổng Công ty Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và Cơ chế điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020. Năm 2020 tổng sản lượng tiêu thụ toàn Công ty đạt 838.098 tấn/780.000 tấn KH đạt 110.28%. Công ty tiếp tục điều chỉnh công tác thị trường, tự chủ hơn trong việc điều hành, quản lý thị trường. Giám sát chặt chẽ hơn các nhân viên thị trường trong công tác chăm sóc khách hàng, giới thiệu quảng bá sản phẩm, đôn đốc và thu hồi công nợ của khách hàng.

Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường ra các địa bàn có tiềm năng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống đại lý và nhà phân phối để tăng sản lượng tiêu thụ. Có chế độ chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Tổ chức chăm sóc khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

Tiếp tục giữ vững thị trường đang có, chọn lọc khách hàng tiềm năng, giảm bớt việc bán hàng trả chậm, xây dựng thương hiệu thông qua quảng cáo, chăm sóc khách hàng và duy trì sự ổn định của chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh tiêu thụ ở khu vực giá cao như tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, giữ vững thị trường Bắc Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Tăng cường cán bộ kiểm tra kiểm soát thị trường, chăm sóc khách hàng, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản lượng xi măng.

Thực hiện chiết khấu hợp lý đối với từng khách hàng, từng thời điểm trên các khu vực thị trường nhằm đảm bảo sự gắn bó lâu dài giữa Công ty và khách hàng và tăng sức tiêu thụ cũng như sức cạnh tranh của sản phẩm.

Cụ thể đối với các khu vực thị trường như sau:

❖ *Đối với thị trường tỉnh Thái Nguyên:*

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, đây là thị trường lõi Công ty luôn luôn đặt mục tiêu tiêu thụ nhiều sản phẩm nhất. Năm 2020 riêng thị trường Thái Nguyên đạt 173.760 tấn sản phẩm bằng 115,23% kế hoạch đề ra.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu. Cuối năm thị trường Thái Nguyên đã không để phát sinh công nợ xấu.

- Công ty cũng đã ký hợp đồng với phòng tài chính các Huyện trên địa bàn Tỉnh, phối hợp chặt chẽ với Ban điều phối nông thôn và phòng Tài chính các Huyện và UBND các Xã trên địa bàn thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa nông thôn, xây dựng đường nông thôn. Năm 2020 công ty đã thực hiện cung cấp được 21.603 tấn xi măng/Kế hoạch 15.000 tấn xi măng cho xây dựng đường nông thôn đạt 144% KH.

❖ *Đối với thị trường tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng:*

- Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, mở rộng thị trường ký hợp đồng với các nhà phân phối, các đại lý.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.

- Tăng cường đưa sản phẩm xi măng Quán Triều vào các công trình xây dựng thông qua các Sở ban ngành tại địa bàn để tăng sản lượng tiêu thụ đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao. Năm 2020 thị trường Bắc Kạn và Cao Bằng cũng đã có sự tăng trưởng từ 38 đến 48% cụ thể thị trường Bắc Kạn năm 2020 đã tiêu thụ 38.546 tấn Sp/KH 26.000 tấn SP. Thị trường Cao Bằng năm 2020 đã tiêu thụ 69.114 tấn SP/KH 50.000 tấn SP.

❖ *Đối với các thị trường còn lại:* Tiếp tục giữ vững thị phần, theo dõi bám sát thị trường, kiểm tra kiểm soát thị trường chặt chẽ. Đặc biệt thị trường Bắc Giang và Hà Nội đã có sự gia tăng tích cực về sản lượng. Cụ thể: Thị trường Bắc Giang tiêu thụ 115.844 tấn/KH 131.200 tấn Sp bằng 88,29 % KH. Phú Thọ và các vùng khác có sự tăng trưởng đáng kể đến hết năm 2020 đạt 19.758 tấn/12.500 tấn kế hoạch, đạt 158,06 %.

5.2 Về công tác Tài chính

- Tập trung giải quyết nguồn vốn, tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

- Tăng cường vận động CBCNV và các cá nhân trong và ngoài Công ty thu hút tối đa nguồn vốn nhàn rỗi để đầu tư các dự án đầu tư và bù đắp thiếu nguồn cho công ty.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giữ vững các khách hàng có khả năng thanh toán tiền ngay, đúng hợp đồng. Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa, công nợ khó đòi. Năm 2020 Công ty đã không để phát sinh công nợ khó đòi; đây thể hiện sự cố gắng của tập thể ban lãnh đạo Công ty và tập thể các phòng ban trong Công ty trong việc phối hợp và thu hồi công nợ.

- Xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán hợp lý nhằm thu tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động cũng như không để thất thoát vốn.

- Không để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn, cố gắng tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ để có nguồn thanh toán công nợ kịp thời, giảm số dư nợ vay vốn lưu động. Thực hiện thanh toán nợ phải trả đối với khách hàng đúng thời hạn quy định, không để nợ quá hạn.

5.3. Về công tác tổ chức lao động

- Chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực, để sẵn sàng triển khai các công việc, nhằm đáp ứng tốt những yêu cầu công việc đặt ra. Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, đội ngũ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ. Năm 2020 Công ty đã đào tạo được 361 lượt CBCNV với tổng số tiền 108,5 Trđ. Nâng cao tư duy cán bộ công nhân viên về tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt việc giao thiết bị đến từng cá nhân người lao động, người quản lý phân xưởng nhằm nâng cao trách nhiệm trong công việc với mục tiêu tăng thời gian hoạt động của thiết bị, tăng hiệu quả của thiết bị, giảm thiểu các sự cố hỏng hóc thiết bị do lỗi chủ quan của người lao động. Kiên quyết không sử dụng những người lao động lười biếng, có tay nghề kém, trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu và thiếu trách nhiệm trong công tác sau khi đã trải qua quá trình đào tạo, rèn luyện.

Tiếp tục sắp xếp lại lực lượng lao động, tiến hành đào tạo, bổ nhiệm cán bộ tại các vị trí chủ chốt nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

- Công tác tái cơ cấu lao động Công ty về cơ bản đã thực hiện xong theo đúng mô hình tổ chức mẫu của Tổng công ty. Tổng số CBVNV Công ty hiện tại là 355 người /KH 351 người, so với đầu năm, Công ty hiện tại là 6 phòng, 3 phân xưởng.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ăn ở và làm việc cho người lao động để người lao động yên tâm công tác như: bố trí nơi ăn chốn ở, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất nơi làm việc, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao trong toàn Công ty, xây dựng đời sống tinh thần cho CBCNV ngày càng được nâng cao. Tăng cường công tác an ninh giữ gìn trật tự trong địa bàn nhà máy, tăng cường sức mạnh đội ngũ bảo vệ của Công ty ngày một lớn mạnh, để đóng góp nhiều hơn nữa trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu đẩy mạnh dòng tiền đầu tư, từ đó tạo động lực phát triển cho toàn nền kinh tế. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự lưu chuyển của dòng tiền và từ đó kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp.

- **Rủi ro tăng trưởng và lạm phát**

Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Tuy nhiên năm 2020 là một năm khó khăn và thách thức đối với kinh tế thế giới và Việt Nam nói riêng do đại dịch Covid-19, thiên tai tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với

việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Quy mô nền kinh tế nước ta đã đạt đến 343 tỷ USD. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2020 đạt 2,91 %.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2020 do tác động của dịch Covid 19 lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại đều giảm đáng kể.

Lãi suất huy động cũng liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối năm, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7,5 %/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 9,0% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay. Hiện tại Công ty đang vay lưu động của các ngân hàng thương mại với lãi suất giao động từ 6,5 - 7,0%/năm.

Việc đẩy mạnh sử dụng công cụ đòn bẩy tài chính có thể làm tăng quy mô hoạt động, nhưng Công ty cũng cần có các biện pháp nhất định để kiểm soát sự ảnh hưởng của sự biến động lãi suất.

❖ Rủi ro về pháp luật

Là một công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua, hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014, Luật DN 2020. Đặc biệt sự ra đời của Nghị định 20/2017/NĐ -CP và nghị định 68/2020/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết... Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

❖ Rủi ro đặc thù

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xi măng. Bên cạnh đó, do Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 84,91% vốn điều lệ), vừa là nhà cung cấp của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than. Như vậy, Công ty phải chịu thêm những rủi ro đặc thù của ngành than như rủi ro biến động giá cả, rủi ro về sự thay đổi theo hướng bất lợi của thời tiết,...

❖ Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới.

Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

❖ Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu thuần năm 2020 đạt: 665,13 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó giá vốn hàng bán năm 2020 tăng 0,7% so với năm 2019 chủ yếu tăng do sản phẩm tiêu thụ tăng hơn so với năm 2019. Năm 2020 chi phí tài chính của Công ty cũng đã giảm mạnh, từ 54,5 tỷ đồng năm 2019 xuống còn 43,30 tỷ đồng năm 2020 tương đương giảm 10,1 tỷ. Chi phí bán hàng năm 2020 đã giảm 19.5% so với năm 2019 và chi phí quản lý doanh nghiệp có tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước là do đưa ra một số chính sách tiền lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công việc. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty đạt 36,67 tỷ đồng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2020 có sự tăng mạnh là do trong năm 2020 cơ cấu sản phẩm bán của Công ty có sự thay đổi Công ty đã tiêu thụ xi măng PCB 30 nhiều hơn, hơn nữa việc duy trì sản xuất đã được ổn định, năng xuất sản xuất của thiết bị được tăng lên đáng kể.

Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 so với kế hoạch đã đặt ra:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Sản phẩm chủ yếu				
1.1	Sản lượng xi măng sản xuất	Tấn			
	+Xi măng bao PCB 30	"	153.500	210.282	136,99
	+Xi măng bao PCB 40	"	360.500	365.773	101,46
	+Xi măng bột PCB 30	"	155.500	206.157	132,58
	+Xi măng bột PCB 40	"	484.500	472.990	97,62
	+Clinker	"	614.619	669.050	108,86
1.1	Sản lượng xi măng tiêu thụ	Tấn	760.000	838.098	110,28
	+Xi măng bao PCB 30	"	153.500	210.282	136,99
	+Xi măng bao PCB 40	"	360.500	365.773	101,46
	+Xi măng bột PCB 30	"	2.000	514	25,71
	+Xi măng bột PCB 40	"	124.000	131.276	105,87
	+Clinker	"	120.000	130.253	108,54

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ %
2	Doanh thu		602.870.379.476	665.152.067.983	110,33
2.1	Doanh thu từ các sản phẩm sản xuất	đồng	601.134.545.455	661.978.411.225	110,12
	+Xi măng bao PCB 30	"	133.360.000.000	179.995.606.946	134,97
	+Xi măng bao PCB 40	"	309.482.727.273	315.671.879.281	102,00
	+Xi măng bột PCB 30	"	1.272.727.273	357.635.365	28,10
	+Xi măng bột PCB 40	"	85.109.090.909	91.763.435.268	107,82
	+Clinker	"	71.910.000.000	74.189.854.365	103,17
2.2	Doanh thu khác	đồng	1.735.834.022	3.163.511.558	182,25
2.3	Doanh thu tài chính	đồng	0	10.145.200	
3	Giá bán/giá thành	Đồng/tấn			
3.1	Giá bán bình quân	Đồng/tấn			
	+Xi măng bao PCB 30	"	868.795	855.975	98,52
	+Xi măng bao PCB 40	"	858.482	863.028	100,53
	+Xi măng bột PCB 30	"	636.364	695.653	109,32
	+Xi măng bột PCB 40	"	686.364	699.009	101,84
	+Clinker	"	599.250	569.583	95,05
3.2	Giá thành tiêu thụ bình quân	Đồng/tấn			
	+Xi măng bao PCB 30	"	763.424	753.093	98,65
	+Xi măng bao PCB 40	"	822.340	820.789	99,81
	+Xi măng bột PCB 30	"	636.845	602.006	94,53
	+Xi măng bột PCB 40	"	696.085	682.187	98,00
	+Clinker	"	624.228	588.390	94,26
4	Tổng chi phí theo yếu tố	Đồng	576.134.545.454	624.992.330.346	108,48
	Nguyên vật liệu	"	174.096.941.848	217.930.888.295	125,18
	Nhiên liệu	"	99.227.414.447	101.257.650.823	102,05
	Động lực	"	116.163.486.615	128.438.511.231	110,57
	Tiền lương	"	32.419.623.024	38.110.955.127	117,56
	BHXH, Y tế, KP CD	"	4.854.227.868	4.799.141.215	98,87
	Khấu hao tài sản	"	80.229.000.000	79.927.124.585	99,62
	Chi khác, tiết kiệm chi phí	"	17.699.569.834	14.727.370.520	83,21
	Chi phí thuê ngoài	"	3.354.281.818	3.844.727.456	114,62
	Chênh lệch dờ dang ĐK-CK	"	0	-7.649.560.272	
	Chi phí tài chính	"	48.090.000.000	44.311.498.450	92,14
	Phế liệu thu hồi	"		-705.977.084	
5	Chi phí khác		1.735.834.022	3.487.044.313	200,89
6	Lợi nhuận trước thuế	đồng	25.000.000.000	36.672.693.324	146,69
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	25.000.000.000	36.996.226.079	147,98
	- Chi phí khác	"	0	-323.532.755	
7	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	%	10,00	14,80	147,98
8	Lao động thu nhập và tiền lương				
8.1	Lao động BQ danh sách	Người			
	Trong đó sản xuất xi măng	"	354	354	100,00
8.2	Đơn giá tiền lương	đ/1000d DT			
	- Đơn giá tiền lương SXXM		53,93	57,57	106,75
	- Đơn giá tiền lương SX khác				
8.3	Tổng quỹ lương	tr.đồng	32.419.623.024	38.110.955.127	117,56
	- Lương sản xuất				
	- Quỹ lương người quản lý				
8.4	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	7.631.738	8.971.505	117,56

2. Tổ chức và nhân sự:

- Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành:

1.1 Giám đốc Công ty:

- + Họ và tên: **Trần Việt Cường**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa; thạc sỹ kinh tế
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2020: Không

1.2 Phó Giám đốc

- + Họ và tên: **Văn Trọng Tuấn**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 11/10/1976
- + Quê quán: Yên Lãng - Đại Từ- Thái Nguyên
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 18 phường Quang Trung- TP Thái Nguyên.
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa cung cấp điện
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2020: Không

1.3 Phó Giám đốc

- + Họ và tên: **Nguyễn Sóng Gió**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 07/01/1968
- + Quê quán: xã Sơn Cẩm- Phú Lương - Thái Nguyên
- + Địa chỉ thường trú: xã Sơn Cẩm- TP Thái Nguyên - Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2020: 4.000 cổ phần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>**1.4 Phó Giám đốc**+ Họ và tên: **Đỗ Ngọc Huy**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 19/04/1979

+ Quê quán: Xã Xuân Hòa, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

+ Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên

+ Quốc tịch: Việt Nam

+ Dân tộc: Kinh

+ Trình độ văn hoá: 12/12

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu SILICAT

+ Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2020: Không

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/04/2020 theo QĐ số 08/QĐ - HĐQT ngày 01/04/2020.

1.5 Kế toán trưởng Công ty:+ Họ và tên: **Nguyễn Anh Tuấn**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 10/3/1983

+ Địa chỉ thường trú: Tổ 5- Phường Quang Vinh - TP Thái Nguyên

+ Quốc tịch: Việt Nam

+ Dân tộc: Kinh

+ Trình độ văn hóa: 12/12

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

+ Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2020: Không

Cơ cấu lao động trong công ty thể hiện cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Cơ cấu (%)	Ghi chú
I	Theo chức danh	Người	355		
1	Cán bộ quản lý	„	30	8,45	
2	Nhân viên hành chính, KT, NV	„	31	8,73	
3	Nhân viên phục vụ	„	86	24,23	
4	Công nhân lao động	„	208	58,59	
II	Theo trình độ	„	355		
1	Trên đại học	„	2	0,56	
2	Đại học	„	119	33,52	
3	Cao đẳng	„	21	5,92	
4	Trung học	„	48	13,52	
5	Công nhân	„	165	46,48	

- Chính sách đối với người lao động:

+ Các cán bộ nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên.

+ Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương thưởng thích đáng đối với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền lợi theo đúng năng lực cá nhân.

+ Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 năm 1 lần với khối văn phòng và 1 năm 2 lần với khối kỹ thuật và các phân xưởng. Trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức các đợt nghỉ mát kết hợp điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động,... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty. Cụ thể Công ty đã xây dựng cơ chế mua bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ công nhân viên là những người có trình độ tâm huyết với Công ty và hàng năm có sự bình xét để có thêm các cá nhân xuất sắc, khích lệ tinh thần trách nhiệm với công việc của các cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2020 Công ty đã đầu tư mua sắm hoàn thành 01 dự án. Đầu tư 01 máy xúc lật gầu có dung tích $\geq 3m^3$ phục vụ sản xuất Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. Các dự án đầu tư theo đúng quy trình thủ tục đầu tư hướng dẫn của Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và của Tập đoàn. Đến ngày 31/12/20, Dự án trên đã bàn giao đưa vào sử dụng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>**4. Tình hình tài chính***a) Tình hình tài chính*

- Các chỉ tiêu chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	780.159.389.939	854.560.678.526	-8,71
Doanh thu thuần	665.131.731.964	663.862.000.168	0,19
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.979.318.368	27.678.054.203	33,61
Lợi nhuận khác	-306.625.044	602.060.315	-150,93
Lợi nhuận trước thuế	36.672.693.324	28.280.114.518	29,68
Lợi nhuận sau thuế	35.585.473.819	27.230.029.982	30,68
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			-

- Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2020:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
TÀI SẢN		
A.Tài sản ngắn hạn	69.112.370.950	59.558.491.865
1.Tiền và các khoản tương đương tiền	6.334.668.634	7.890.694.879
2.Các khoản phải thu ngắn hạn	33.367.152.346	30.890.258.771
3.Hàng tồn kho	27.924.290.480	17.638.825.120
4.Tài sản ngắn hạn khác	1.486.259.490	3.138.713.095
B.Tài sản dài hạn	711.047.018.989	795.002.186.661
Tổng cộng tài sản	780.159.389.939	854.560.678.526
NGUỒN VỐN		
A.Nợ phải trả	600.147.543.991	710.134.306.397
1.Nợ ngắn hạn	390.754.880.450	374.417.303.020
2.Nợ dài hạn	209.392.663.541	335.717.003.377
B.Vốn chủ sở hữu	180.011.845.948	144.426.372.129
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần		
3.Quỹ đầu tư phát triển		
4.Quỹ dự phòng tài chính		
5.Lợi nhuận chưa phân phối	-69.988.154.052	-105.573.627.871
Tổng cộng nguồn vốn	780.159.389.939	854.560.678.526

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,18	0,16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,11
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	76,93	83,10
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	333,93	491,69
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	24,32	25,16
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,81	0,72
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,05	0,04
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,22	0,21
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,04	0,03
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,05	0,04

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần
- Loại cổ: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 25.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có
- Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	625	24.999.000	99,9960
* Cá nhân	623	3.705.986	14,82
* Tổ chức	2	21.293.014	85,17
II. Cổ đông nước ngoài	1	1000	0,0040
* Cá nhân	1	1000	0,0040
* Tổ chức	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	626	25.000.000	

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

d) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Công ty đã tổ chức tốt việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và vẫn đảm bảo đủ nguyên liệu

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

c. Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 77.850.509kw/năm 2020

d. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

e. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020: 355 người

- Mức lương bình quân của người lao động năm 2020: 8.971.303 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số lớp đào tạo trung bình trong năm 2020 là 22 lớp với 361 lượt CBCNV

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đối với cộng đồng: Luôn đảm bảo khi địa phương có yêu cầu đóng góp; hỗ trợ các hoạt động phúc lợi xã hội trên địa bàn luôn được công ty chú trọng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Tổng quan hoạt động kinh doanh năm 2020:*

Năm 2020, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng ở mức thấp và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất ổn, dịch bệnh Covid - 19 làm cho kinh tế thế giới giảm sút nghiêm trọng. Trong khi đó sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, những tác động tiêu cực từ Brexit vẫn còn. Trong khi đó, các chính sách nới lỏng tiền tệ (lãi suất thấp hoặc âm, các gói nới lỏng định lượng và định tính...) tại hầu hết các nước không mấy hiệu quả đối với tăng trưởng và lạm phát. Giá dầu biến động mạnh Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều cho thấy tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2020 giảm 4,2%. Tăng trưởng thương mại quốc tế cũng đạt thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây.

Trước bối cảnh phục hồi kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được một số thành quả đáng ghi nhận bên cạnh một số khó khăn, thách thức. Theo WB, mặc dù kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, nhưng nhờ có các biện pháp đối phó chủ động, sáng tạo ở các cấp, kinh tế vĩ mô và tài khóa ổn định nên kinh tế Việt Nam có sức chống chịu đáng kể. Kinh tế tiếp tục phục hồi trong tháng 10, trong đó lĩnh vực sản xuất công nghiệp đã đạt được tốc độ tăng trưởng gần bằng giai đoạn trước dịch COVID-19.

Hoạt động sản xuất công nghiệp và bán lẻ ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất so với cùng kỳ năm trước trong tháng 10 kể từ khi bùng phát dịch COVID-19 vào tháng 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ hàng hóa lần lượt tăng 6,6% và 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Thặng dư thương mại hàng hóa tiếp tục tăng kỷ lục, một phần nhờ hàng xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh. Thặng dư thương mại hàng hóa trong 10 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam đạt mức kỷ lục 17,7 tỷ USD, trong đó thặng dư tháng 10 đạt 1,4 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa tăng lần lượt 9,7% và 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng cho thấy niềm tin vào nền kinh tế được khôi phục sau đợt bùng phát dịch vào tháng 8. Khi làn sóng COVID-19 thứ hai được kiểm soát thành công, FDI đã tăng lên khoảng 2,27 tỷ USD

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

trong tháng 10, so với 1,67 tỷ USD trong tháng 9 và 0,8 tỷ USD trong tháng 8. Trong 10 tháng đầu năm 2020, Việt Nam đã thu hút được 23,5 tỷ USD vốn FDI, thấp hơn khoảng 19,4% so với cùng kỳ năm 2019, nhưng vẫn là một thành tựu nổi bật do UNCTAD dự báo dòng vốn FDI vào các nước Đông Á sẽ giảm 30-45% trong năm 2020. Lạm phát vẫn duy trì mức ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 10 vẫn đi ngang so với ba tháng trước cho thấy sự ổn định trong ngắn hạn của giá thực phẩm, năng lượng và giao thông.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cắt giảm lãi suất nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn giảm nhẹ so với cùng kỳ. Vào đầu tháng 10, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 4,5% xuống 4% và lãi suất tái chiết khấu từ 3% xuống 2,5%. Động thái này phù hợp với chính sách của Chính phủ nhằm giảm chi phí vay vốn kể từ đầu cuộc khủng hoảng COVID-19. Tăng trưởng tín dụng ở mức 9,6% trong tháng 10 so với cùng kỳ năm ngoái và giảm nhẹ so với mức tăng trưởng 10,2% của tháng 9. Tuy nhiên, tốc độ tăng này vẫn cao hơn nhiều so với tăng trưởng GDP danh nghĩa, do đó tỷ lệ tín dụng/GDP vẫn đang tiếp tục tăng. Trong thời gian tới, triển vọng của Việt Nam được cho là tích cực khi nền kinh tế được dự báo tăng trưởng ở mức khoảng 6,8% trong năm 2021 và sẽ ổn định mức 6,5% các năm tiếp theo. Dự báo này của WB được đưa ra dựa trên giả định khủng hoảng COVID-19 sẽ dần được kiểm soát khi vắc xin COVID-19 phát huy hiệu quả.

Về phía Công ty, năm 2020, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn về thị trường do nằm trong vùng mật độ có nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị trong ngành. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, sự đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Sản xuất	Tiêu thụ	% so với KH
1	Xi măng Bao PCB 30	Tấn	153.500	210.281,50	210.281,50	136,991
2	Xi măng Bao PCB 40	Tấn	360.500	365.772,65	365.772,65	101,463
3	Xi măng Bột PCB 30	Tấn	2000	514,10	514,10	25,705
4	Xi măng Bột PCB 40	Tấn	124.000	131.276,45	131.276,45	105,868
5	Clinker	Tấn	120.000	130.253,01	130.253,01	108,544
Tổng cộng			760.000	838.098	838.098	110,276

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu BH và CCDV	665.131.731.964	663.862.000.168
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	665.131.731.964	663.862.000.168
4	Giá vốn hàng bán	554.020.921.268	549.845.417.558
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	111.110.810.696	114.016.582.610
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10.145.200	9.765.954
7	Chi phí tài chính	44.311.498.450	54.502.940.293
8	Chi phí bán hàng	10.173.519.243	12.642.567.226
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.656.619.835	19.202.786.842
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36.979.318.368	27.678.054.203
11	Thu nhập khác	10.190.819	626.461.426
12	Chi phí khác	316.815.863	24.401.111
13	Lợi nhuận khác	-306.625.044	602.060.315
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.672.693.324	28.280.114.518

Doanh thu năm 2020 đạt 665,13 tỷ đồng tăng 01,9% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 36,67 tỷ đồng bằng 147 % KH. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
I	Phân tích nguyên nhân tăng, giảm lợi nhuận	Tr.đ	9.104,01
1	Nguyên nhân tăng lợi nhuận	""	28.749,38
	- Trung đại tu	""	1.198,15
	- Chi phí Phụ tùng thay thế	""	2.736,45
	- Chi phí than	""	4.524,52
	- Chi phí xăng, dầu	""	1.552,79
	- Khấu hao TSCĐ	""	7.109,66
	- Chi phí lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	""	1.683,58
	- Chi phí tài chính	""	8.720,24
	- Chi phí khác	""	1.224,00
2	Nguyên nhân giảm lợi nhuận	""	19.645,38
	- Doanh thu, giá bán	""	3.206,91
	- Vật liệu (đá vôi, quặng sắt, thạch cao, phụ gia...)	""	6.471,01
	- Động lực	""	2.950,21
	- Tiền lương, bảo hiểm	""	2.473,39
	- Dầu mỡ phụ	""	1.386,08
	- Chi phí sửa chữa thường xuyên	""	3.012,01
	- Thuê ngoài	""	145,76
3	Chênh lệch	""	9.104,01

- Những tiến bộ đã đạt được:

Đứng trước những thách thức và biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tối đa để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo gia tăng hiệu quả và giảm thiệt hại tối đa cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào và hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty luôn duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2020, Ban điều hành Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ người lao động đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện như sau:

+ Về thị trường:

- Thường xuyên bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra giải pháp thích hợp nhằm tăng sản lượng xi măng bán cho thị trường có giá bán cao;

- Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy xi măng trong và ngoài hệ thống của VINACOMIN để kiểm soát chặt thị trường, giá bán theo đúng chỉ đạo, điều hành thị trường của Công ty mẹ nên đã hạn chế được tình trạng các sản phẩm xi măng của các công ty trong cùng hệ thống cạnh tranh nhau giá bán trên cùng một thị trường. Một số địa bàn như Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Cao Bằng là thị trường chủ đạo của Công ty trong những năm qua luôn được Công ty duy trì ổn định về sản lượng và tăng giá bán đáng kể.

- Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ và luôn đôn đốc thu hồi công nợ.

+ Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:

Công tác kỹ thuật đã có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao chất lượng clinker sản xuất, duy trì tỷ lệ phụ gia

xi trong xi măng đạt kế hoạch giao; nên năm 2020 Công ty đã tiết giảm được chi phí giá thành so với năm 2019.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất, duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.

+ Công tác kế hoạch khoán, quản:

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để triển khai xây dựng và đề xuất lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao, đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích, kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời;

- Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2020 đúng, đủ, kịp thời phục vụ cho sửa chữa, thay thế vật tư. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, Công ty mẹ và Vinacomin. Vật tư mua đảm bảo yêu cầu của sản xuất.

+ Công tác quản lý kế toán, tài chính:

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện tốt các khoản thu, chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

+ Công tác tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn, thỏa đáng, đúng nguyên tắc; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động trong Công ty đầy đủ,

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

+ Các phân xưởng sản xuất:

Các phân xưởng nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán, đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất, phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Khối phục vụ:

Đã giúp việc cho lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người lao động. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho người lao động trở thành khu văn hóa.

+ Công tác an toàn, bảo hộ lao động:

Công tác an toàn, bảo hộ lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra tai nạn lao động, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2020:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020 (VNĐ)
I	Tài sản ngắn hạn	69.112.370.950
II	Tài sản dài hạn	711.047.018.989
	Tổng cộng	780.159.389.939

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2020:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020 (VNĐ)
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	38.829.824.454
2	Trả trước cho người bán	2.935.889.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.660.073.573
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-10.058.634.681
	Tổng cộng	33.367.152.346

Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm qua đã dần dần phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, tuy nhiên do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên tài sản cố định vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Về các khoản nợ phải thu. Các khoản phải thu khó đòi đến thời điểm 31/12/2020 có giá trị 10,16 tỷ đồng giảm được 2,48 tỷ so với cùng kỳ năm 2019. Tất cả công nợ khó đòi Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả:

Dự nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020 (VNĐ)
I	Nợ ngắn hạn	390.754.880.450
II	Nợ dài hạn	209.392.663.541
	Tổng cộng	600.147.543.991

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020 (VNĐ)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	183.365.015.421
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.298.173.465
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	21.945.402.088
4	Phải trả người lao động	8.897.707.961
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	855.213.798
6	Phải trả ngắn hạn khác	221.550.834
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	168.171.816.883
	Tổng cộng	390.754.880.450

Dự nợ phải trả của Công ty đang ở mức khá lớn, mặc dù đã có cải thiện tuy nhiên vẫn còn lớn và bằng 76,93% tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020. Trong đó, khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nợ phải trả (chiếm 34,89%). Bên cạnh đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng chiếm tỷ trọng tương đối 28,20%. Công ty sử dụng các khoản vay này để tài trợ cho tài sản cố định là Nhà máy xi măng Quán Triều, và vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư khoản vay dài hạn đến thời điểm 31/12/2020 là 306,4 tỷ đồng.

Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2020, Công ty đã áp dụng trả lương cho người lao động quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Triển khai thực hiện Quy chế quản lý lao động và tiền lương trong Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI đã ban hành theo quyết định số 07/QĐ - HDQT ngày 22/03/2018 của Hội đồng Quản Trị.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp; tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, nâng suất thiết bị, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững;

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời, phù hợp, giữ vững thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận;

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng nhằm giảm chi phí kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

- Tạo điều kiện cho các cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kịch bản toàn bộ máy theo hướng tinh gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn cố gắng tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng điện, nước một cách tối đa.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn quan tâm đến lợi ích của người lao động, người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chấp hành tốt các quy định của địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020 Công ty đã có nhiều cố gắng và chỉ đạo tích cực việc thực hiện các nghị quyết từng Quý trong năm của HĐQT đề ra, có đánh giá việc thực hiện kế hoạch

SXKD từng tháng. Ban điều hành công ty đã chỉ đạo và thực hiện tốt những định hướng, chiến lược đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2020 Ban giám đốc công ty đã chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo hàng quý, năm trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn trong việc lãnh đạo quản lý, điều hành theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

V. Quản trị Công ty

a. Thành viên hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm các thành viên:

1. Ông Ngô Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

- Sinh ngày 19/08/1961.

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ

- Địa chỉ thường trú: Số 22 khu A tập thể nhạc viện Hà Nội - Đống Đa - Hà Nội.

- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2020: 7.500 Cp

2. Ông Hà Văn Chuyển - Trưởng phòng vật tư thị trường - Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI

- Sinh ngày 18/09/1966

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp

- Địa chỉ thường trú: Số 63B - Ngách 1 - Ngõ 88 - Phố Giáp Nhị - Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 0

3. Ông Đỗ Ngọc Huy- Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI.

- Sinh ngày 19/04/1979

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu Silicat
- Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên.
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 0

4. Ông Trần Việt Cường - Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974
- Địa chỉ thường trú: Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 0

5. Bà Đỗ Thu Hương - Ủy viên HĐQT - Phó phòng kinh tế kế hoạch - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP. (Kể ngày 05/04/2018)

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/04/1972
- Địa chỉ thường trú: Số 11, ngách 15 ngõ Hoàng An, Phố Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 1.400 cp

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	30/01/2020	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2019 và cả năm 2019.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>2. Dự kiến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông từ 01/04/2020 đến ngày 05/04/2020 và giao cho Giám đốc Công ty chuẩn bị các nội dung để phục vụ đại Hội.</p> <p>3. Thông qua văn bản số 2537/CMV-TCNS ngày 31/12/2019 về việc hướng dẫn kế hoạch sử dụng lao động - tiền lương năm 2020. Giao cho Giám đốc công ty chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Công ty.</p> <p>4. Thông qua Quy chế quản lý cán bộ - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</p> <p>5. Thông qua quỹ tiền lương Công ty năm 2019.</p>	qua quyết định
2	02/NQ-HĐQT	30/01/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc: Thông qua tờ trình số 1216/TTr-XMQT ngày 31/12/2019 về việc duyệt phương án định mức dư nợ tiền than năm 2020 cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định
3	03/NQ-HĐQT	20/3/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc: 1. Phê duyệt danh sách cổ đông triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo tờ trình số 224/TTr-XMQT ngày 20/03/2020. Giao cho Giám đốc Công ty hoàn thiện các thủ tục và phát hành thông báo triệu tập cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đúng thành phần và thời gian quy định; 2. Thông qua chương trình đại hội; thống nhất nội dung trong dự thảo các báo cáo trình Đại hội;</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>3. Thống nhất ban hành các Quy chế đại hội;</p> <p>4. Thông qua tờ trình đề nghị Đại hội phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán;</p> <p>5. Thông qua Tờ trình quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020;</p> <p>6. Thông qua Tờ trình của ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020.</p> <p>7. Thông qua tờ trình trình Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2020;</p> <p>8. Thông qua Tờ trình đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng liên quan theo điều 162 luật doanh nghiệp;</p> <p>9. Đồng ý quyết định thành lập các ban chuẩn bị đại hội;</p> <p>10. Đồng ý lấy ngày 8/4/2020 là ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.</p> <p>11. Thông qua tờ trình số 195/TTr-XMQT ngày 9/3/2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư 01 và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Máy xúc lật gầu có dung tích $\geq 3m^3$ phục vụ sản xuất Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</p> <p>12. Thông qua Quy chế quản lý tài chính tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</p>	
4	04/NQ-HĐQT	30/3/2020	Nghị quyết HĐQT về việc: 1. Tạm dừng tổ chức Đại hội đồng cổ	HĐQT 100% nhất

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<i>đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI vào ngày 08/04/2020.</i> <i>2. Giao cho Giám đốc Công ty làm văn bản báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh để đề nghị ra hạn ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 trước ngày 30/06/2020 theo quy định của Điều lệ Công ty hoặc một thời điểm khác theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.</i>	trí thông qua quyết định
5	04a/NQ-HĐQT	30/3/2020	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Tạm thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2020</i> <i>2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2020</i> <i>3. Thông qua tờ trình số 241/TTr-XMQT ngày 27/3/2020 về việc quyết toán dự án Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động của Công ty.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định
6	05/NQ-HĐQT	01/4/2020	- Đồng ý tiếp nhận và bổ nhiệm ông Đỗ Ngọc Huy - Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI giữ chức vụ Phó giám đốc kỹ thuật công nghệ - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, kể từ ngày 01/04/2020.	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định
7	06/NQ-HĐQT	22/4/2020	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2020</i> <i>2. Thông qua tờ trình số 309/TTr-XMQT ngày 21/04/2020 về việc bổ nhiệm lại Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà - Trưởng phòng TCHC Công ty kể từ ngày 15/05/2020. Giao cho Giám đốc công ty làm các thủ</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<i>tục liên quan theo quy định và làm quyết định bổ nhiệm.</i> <i>3. Thông qua tờ trình số 305/TTr-XMQT ngày 20/04/2020, Hệ thống Thang lương, bảng lương trong Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</i>	
8	07/NQ-HĐQT	19/5/2020	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Phê duyệt danh sách cổ đông triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo tờ trình số 388/TTr-XMQT ngày 19/05/2020. Giao cho Giám đốc Công ty hoàn thiện các thủ tục và phát hành thông báo triệu tập cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đúng thành phần và thời gian quy định;</i> <i>2. Đồng ý lấy ngày 09/6/2020 là ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.</i> <i>3. Thông qua Quy chế quản lý công nợ Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định
9	09/NQ-HĐQT	10/6/2020	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Chấp thuận hợp đồng số 17/HĐKT ngày 08/1/2020 về việc vận chuyển than bằng đường sắt năm 2020 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty than Núi Hồng - VVMI;</i> <i>2. Chấp thuận hợp đồng số 031/2020/CQT-TT ngày 03/01/2020 về việc Mua bán hàng hóa giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI với Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI</i> <i>3. Chấp thuận hợp đồng số 3122/HĐMB/NH-QT ngày 31/12/2019</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>về việc Mua bán vỏ bao xi măng giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI với Công ty than Núi Hồng - VVMI;</p> <p>4. Chấp thuận hợp đồng số 2534/HĐ-KTKH ngày 31/12/2019 về việc Mua bán than năm 2020 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI với Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP;</p> <p>5. Chấp thuận hợp đồng số 4310/ HĐ-KHTT ngày 30/12/2019 về việc Mua bán đá thải sau tuyển nước giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI với Công ty than Khánh Hòa - VVMI</p> <p>6. Chấp thuận hợp đồng số 4356/ HĐ-KHTT ngày 31/12/2019 về việc Mua bán đá vôi thải giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI với Công ty than Khánh Hòa - VVMI;</p> <p>7. Chấp thuận hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/XMQT-CKM ngày 31/12/2019 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI với Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI (có phụ lục hợp đồng số 01 ngày 6/2/2020; số 02 ngày 24/02/2020 và số 03 ngày 25/4/2020).</p>	
10	10/NQ-HĐQT	30/06/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1- Tạm Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020, khi có báo cáo quyết toán quý thì HĐQT sẽ kiểm điểm chính thức</p> <p>2- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2020</p> <p>3- Thông qua tờ trình số 530/TTr-XMQT</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>ngày 30/6/2020 về việc quyết toán dự án hoàn thành đầu tư 01 máy xúc lật có dung tích $\geq 3m^3$ phục vụ sản xuất - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</p> <p>4- Thông qua Quy chế dân chủ ở cơ sở trong Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI theo tờ trình số 434/TTr-XMQT ngày 03/6/2020.</p> <p>5- Đồng ý lựa chọn Công ty TNHH PKF VIETNAM là đơn vị kiểm toán các báo cáo tài năm 2020 cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. Giao cho Ông Trần Việt Cường - Giám đốc Công ty đàm phán các nội dung trong hợp đồng và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH PKF Việt Nam theo quy định.</p>	
11	11/NQ-HĐQT	31/7/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2020 và 6 tháng đầu năm 20202. Tăng cường công tác thu hồi công nợ khó đòi, giải quyết dứt điểm các công nợ tồn đọng, các công nợ đủ điều kiện xử lý tài chính thì tiến hành xử lý tài chính theo đúng quy định của Pháp luật.3. HĐQT đồng ý chủ trương thay thế 2 con lăn cán ép máy nghiền xi măng. Giao cho Công ty lập phương án chi tiết để trình Tổng công ty theo đúng quy định.4. Đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư lọc bụi khu vực máy đóng bao để đảm bảo kế hoạch đầu tư năm 2020 đã được Tổng công ty phê duyệt.	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>5. Tập trung nhân lực để sửa chữa để tăng năng suất máy nghiền xi măng nhằm hạ giá thành sản xuất. Tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.</p> <p>6. Chuẩn bị lập phương án, dự trù vật tư để tiến hành sửa chữa dây truyền, thiết bị trong chu kỳ sửa chữa tháng 8 năm 2020.</p>	
12	12/NQ-HĐQT	11/8/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1- Phê duyệt tổng hạn mức vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 - 2021</p> <p>2 - Thông qua phương án trình Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI vay vốn tại các ngân hàng</p> <p>3- Hội đồng quản trị nhất trí ủy quyền cho Ông Trần Việt Cường - Chức vụ Giám đốc công ty là đại diện pháp lý cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất cả các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty</p> <p>4- Hội đồng quản trị Công ty cam kết chịu trách nhiệm chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cân đối được nguồn thu để trả nợ kịp thời và đúng thời hạn đối với các khoản vay này</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định
13	13/NQ-HĐQT	31/8/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1- Phê duyệt điều chỉnh giảm giá trị quyết toán dự án "Đầu tư đổi mới công</p>	HĐQT 100% nhất trí thông

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>nghe nhà máy xi măng Quán Triều.</p> <p>2- Thông qua Quy chế quản lý đầu tư xây dựng Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</p>	qua quyết định
14	14/NQ-HĐQT	29/9/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1- Phê duyệt dự án Đầu tư lắp đặt hệ thống lọc bụi khu vực đóng bao xi măng - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</p> <p>2- Thông qua việc bổ nhiệm lại đối với các ông sau:</p> <p>- Ông Vũ Anh Tuấn: giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty, thời gian từ 01/10/2020.</p> <p>- Ông Nguyễn Hồng Lâm: giữ chức vụ Trưởng phòng Thị trường Công ty, thời gian từ 01/11/2020.</p> <p>3- Tạm Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2020</p> <p>4- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2020</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định
15	15/NQ-HĐQT	20/10/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1- Thông qua kết quả SXKD quý 3/2020 và 9 tháng năm 2020.</p> <p>2- Chấp thuận hợp đồng kinh tế số 3084/HĐ-TKH-XMQT ngày 05/10/2020 về việc mua bán đá sét thái giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI với Công ty than Khánh Hòa - VVMI</p> <p>3- Đồng ý cử ông Trần Việt Cường - Giám đốc Công ty học lớp Cao cấp lý luận chính trị K71.B05 Tỉnh Thái Nguyên hệ không tập trung (khóa học 2020-2022).</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>4- Giao cho Giám đốc triển khai công tác cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo môi trường trong sản xuất, cải tạo cảnh quan môi trường trong Công ty nhằm tạo môi trường xanh, sạch đẹp và đảm bảo môi trường xung quanh, hạn chế lượng khí thải, đẩy nhanh công tác đầu tư hệ thống lọc bụi nhằm hạn chế xả bụi, xả thải ra môi trường, đảm bảo các chỉ tiêu quan trắc môi trường theo đúng quy định của Pháp luật.</p> <p>5- Rà soát Quy định tiêu thụ xi măng, clinker đang thực hiện, xây dựng đề trình HĐQT xem xét ban hành ban hành Quy chế tiêu thụ xi măng, Clinker</p> <p>6- Rà soát các khoản công nợ, tăng cường công tác thu hồi công nợ cũ, không để phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn. Xem xét các khoản công nợ không thể thu hồi đủ điều kiện để xử lý tài chính và trình HĐQT xem xét.</p>	
16	16/NQ-HĐQT	11/12/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1- Đồng ý tạm giao KHSXKD năm 2021</p> <p>2- Đồng ý tạm giao đơn giá tiền lương năm 2021 của Công ty.</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định
17	17/QĐ-HĐQT	31/12/2020	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1- Thông qua kết quả SXKD quý 1/2021.</p> <p>2- Thông qua tờ trình số 1101/TTr-XMQT ngày 31/12/2020 về việc trích lập các khoản dự phòng năm 2020 - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua quyết định

*** Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Với chủ trương không ngừng mở rộng thị trường, tập trung đội ngũ cán bộ phát huy thế mạnh điều kiện sẵn có để nâng cao chất lượng mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu hóa nguồn thu cho Công ty.

b. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban	Chuyên trách
3	Bà Phạm Thị Thúy Nga	Ủy viên	
5	Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên	

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) có Trưởng ban hoạt động chuyên trách, còn các kiểm soát viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Họp định kỳ mỗi quý 01 lần. Lịch họp cụ thể do trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản thông báo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm, ngoài việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên của Trưởng ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã triệu tập 4 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra theo từng chuyên đề trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty:

Ban kiểm soát đã ban hành 12 văn bản. Bao gồm các biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát; các văn bản của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT, Ban giám đốc, Các Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính và tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán.

VI. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm).

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TRẦN VIỆT CƯỜNG



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 44

134
CỔ
CH N
P
VIỆ
4 XU

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600409377 thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/06/2017 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	21.228.014	84,91%
Các đối tượng khác	3.771.986	15,09%
Tổng cộng	25.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Việt Cường	Ủy viên
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên
- Ông Đỗ Ngọc Huy	Ủy viên
- Bà Đỗ Thu Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Trần Việt Cường	Giám đốc
- Ông Văn Trọng Tuấn	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Sóng Gió	Phó Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban
- Bà Phạm Thị Thúy Nga	Ủy viên
- Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty .

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VYMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

Số: /2021/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMi**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMi được lập ngày 28 tháng 02 năm 2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 44 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMi chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0449-2018-242-1

Nguyễn Hồng Quang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

3913
CỔ
RÁCH
VI
1/VI X

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.112.370.950	59.558.491.865
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.334.668.634	7.890.694.879
Tiền	111	5.1	6.334.668.634	7.890.694.879
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.367.152.346	30.890.258.771
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	38.829.824.454	39.635.895.565
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.935.889.000	895.964.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.660.073.573	2.100.610.181
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10.058.634.681)	(11.742.210.975)
Hàng tồn kho	140	5.5	27.924.290.480	17.638.825.120
Hàng tồn kho	141		28.568.510.928	18.097.626.597
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(644.220.448)	(458.801.477)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.486.259.490	3.138.713.095
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.486.259.490	3.138.713.095
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		711.047.018.989	795.002.186.661
Tài sản cố định	220		692.539.983.600	772.029.307.488
TSCĐ hữu hình	221	5.7	675.729.166.608	754.147.270.489
- Nguyên giá	222		1.414.114.059.001	1.413.676.258.304
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(738.384.892.393)	(659.528.987.815)
TSCĐ vô hình	227	5.8	16.810.816.992	17.882.036.999
- Nguyên giá	228		27.115.865.482	27.115.865.482
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.305.048.490)	(9.233.828.483)
Tài sản dở dang dài hạn	240		57.745.454	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	57.745.454	-
Tài sản dài hạn khác	260		18.449.289.935	22.972.879.173
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	18.449.289.935	22.972.879.173
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		780.159.389.939	854.560.678.526

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
 Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		600.147.543.991	710.134.306.397
Nợ ngắn hạn	310		390.754.880.450	374.417.303.020
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	183.365.015.421	191.092.022.376
Người mua trả tiền trước	312		7.298.173.465	4.185.789.698
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	21.945.402.088	23.293.039.492
Phải trả người lao động	314		8.897.707.961	5.876.890.916
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	855.213.798	1.173.224.676
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	221.550.834	1.044.722.460
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	168.171.816.883	147.751.613.402
Nợ dài hạn	330		209.392.663.541	335.717.003.377
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	209.392.663.541	335.717.003.377
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.011.845.948	144.426.372.129
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	180.011.845.948	144.426.372.129
Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(69.988.154.052)	(105.573.627.871)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		780.159.389.939	854.560.678.526

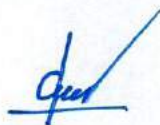
Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH TUẤN

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẦN TRIỀU VVM
 Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	665.131.731.964	663.862.000.168
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		665.131.731.964	663.862.000.168
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	554.020.921.268	549.845.417.558
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.110.810.696	114.016.582.610
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.145.200	9.765.954
Chi phí tài chính	22	6.4	44.311.498.450	54.502.940.293
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.776.735.232	47.785.930.136
Chi phí bán hàng	25	6.7	10.173.519.243	12.642.567.226
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	19.656.619.835	19.202.786.842
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.979.318.368	27.678.054.203
Thu nhập khác	31	6.5	10.190.819	626.461.426
Chi phí khác	32	6.6	316.815.863	24.401.111
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(306.625.044)	602.060.315
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.672.693.324	28.280.114.518
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.087.219.505	1.050.084.536
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		35.585.473.819	27.230.029.982
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.423	1.089
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMİ

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

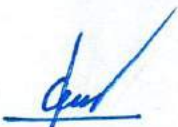
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		36.672.693.324	28.280.114.518
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		79.927.124.585	79.483.206.551
Các khoản dự phòng	03		(1.498.157.323)	(237.086.186)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.145.200)	(9.765.954)
Chi phí lãi vay	06		37.776.735.232	47.785.930.136
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		152.868.250.618	155.302.399.065
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(793.317.281)	32.178.413.789
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.112.224.331)	8.780.984.936
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(4.929.673.138)	(36.952.676.088)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.176.042.843	9.924.412.779
Tiền lãi vay đã trả	14		(37.441.559.068)	(47.333.061.145)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(575.348.582)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		105.192.171.061	121.900.473.336
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(854.206.151)	(6.519.297.962)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.145.200	9.765.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(844.060.951)	(6.509.532.008)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	194.031.526.610	251.423.401.301
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(299.935.662.965)	(373.616.560.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(105.904.136.355)	(122.193.159.516)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.556.026.245)	(6.802.218.188)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.890.694.879	14.692.913.067
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.334.668.634	7.890.694.879

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là một Doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (xi măng, gạch xây, ngói, đá, sỏi và vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng và máy khác chưa phân loại);
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình đường bộ);
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa đường sắt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 355 người, trong đó số nhân viên quản lý là 30 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu | Phương pháp bình quân gia quyền |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (bán thành phẩm: xi măng bột, clinker) nhân với (x) đơn giá thực tế trong năm. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMİ

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 10 - 25 năm
- Máy móc, trang thiết bị 20 năm
- Phương tiện vận tải 07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 - 07 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất 25 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

cổ định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa Tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, trả chậm lãi,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVM**

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600409377 điều chỉnh lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày ngày 14/06/2017 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	212.280.140.000	212.280.140.000	100%
Các cổ đông khác	37.719.860.000	37.719.860.000	100%
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Công ty áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm từ năm 2014 - 2028, do dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty được miễn thuế trong 4 năm tính từ năm 2014 và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo áp dụng theo khoản 1, điều 20, thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	252.324.381	1.470.658.199
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	6.082.344.253	6.420.036.680
Cộng	6.334.668.634	7.890.694.879

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		252.324.381
Cộng		252.324.381

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		6.082.344.253
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ</i>		17.282.715
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.679.504.861
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.488.730.625
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		885.868.595
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		18.399.176
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.992.558.281
Cộng		6.082.344.253

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	38.829.824.454	39.635.895.565
Ủy ban nhân dân Huyện Đại Từ	21.624.551.550	18.384.886.030
Ủy ban nhân dân Huyện Phú Lương	8.281.250.000	9.453.959.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.924.022.904	11.797.050.535
b. Dài hạn	-	-
Cộng	38.829.824.454	39.635.895.565

c. **Phải thu của khách hàng là các bên liên quan** : Xem mục 8.3 - Thông tin về các bên liên quan

5.3. Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.660.073.573	(1.449.194.775)	2.100.610.181	(1.531.172.775)
Tạm ứng	22.544.000	-	6.610.000	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	153.000.000	-
Phải thu tiền huy hiệu "Thợ mỏ về vàng"	-	-	222.336.000	-
Ông Dương Văn Hường	800.388.864	(800.388.864)	800.388.864	(800.388.864)
Ông Đỗ Viết Thọ	598.805.911	(598.805.911)	606.805.911	(606.805.911)
Ông Đỗ Trung Hiếu	50.000.000	(50.000.000)	123.978.000	(123.978.000)
Phải thu khác	188.334.798	-	187.491.406	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.660.073.573	(1.449.194.775)	2.100.610.181	(1.531.172.775)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4. Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	10.166.595.181	107.960.500	12.653.905.212	911.694.237
- Từ 3 năm trở lên	9.834.619.181	-	9.808.349.421	-
+ Công ty CP Xây dựng Ngọc Mai	1.452.868.400	-	1.452.868.400	-
+ Công ty CP tư vấn xây dựng Kiến Trúc Việt	1.877.520.010	-	1.877.520.010	-
+ Công ty CP ĐTXD và Thương Mại Nguyên Hồng	895.735.000	-	895.735.000	-
+ Công ty TNHH thương mại và vận tải Hợp Thành	769.562.749	-	769.562.749	-
+ Công ty CP Thương mại Công nghệ Đức Hùng	512.450.000	-	512.450.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng 19 - 8	439.056.000	-	439.056.000	-
+ Ông Dương Văn Hường	800.388.864	-	800.388.864	-
+ Ông Đỗ Viết Thọ	598.805.911	-	606.805.911	-
+ Đối tượng khác	2.488.232.247	-	2.453.962.487	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	290.137.500	87.041.250	2.555.418.291	766.625.487
+ Công ty CP Vận tải và thương mại Quyền Thiên Phú Thái Nguyên	-	-	1.802.381.731	540.714.519
+ Công ty TNHH vận tải thương mại và khoáng sản Thái Dương	-	-	646.401.360	193.920.408
+ Công ty TNHH vật liệu Phú Sỹ	290.137.500	87.041.250	-	-
+ Các đối tượng khác	-	-	106.635.200	31.990.560
- Từ 1 đến dưới 2 năm	41.838.500	20.919.250	290.137.500	145.068.750
+ Cửa hàng VLXD Hải Vân	41.838.500	20.919.250	-	-
+ Công ty TNHH vật liệu Phú Sỹ	-	-	290.137.500	145.068.750

TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.077.174.613	(644.220.448)	10.243.653.270	(458.801.477)
Công cụ, dụng cụ	56.023.243	-	68.220.528	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.435.313.072	-	7.785.752.799	-
Cộng	28.568.510.928	(644.220.448)	18.097.626.597	(458.801.477)

Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng sử dụng tại thời điểm cuối năm: 2.310.354.097 đồng. Nguyên nhân: Đây là các vật tư phục vụ sửa chữa, thi công các hạng mục của dây chuyền tồn đọng; Hướng xử lý: tiếp tục tận dụng (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	57.745.454	-
<i>Dự án: Đầu tư lọc bụi đóng bao (2 cái 6000m3/h)</i>	57.745.454	-
- Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	57.745.454	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	402.249.438.784	1.002.981.226.753	2.158.678.113	6.286.914.654	1.413.676.258.304
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB trong năm	-	-	1.075.090.197	-	1.075.090.197
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(278.629.500)	-	(358.660.000)	(637.289.500)
Số dư cuối năm	402.249.438.784	1.002.702.597.253	3.233.768.310	5.928.254.654	1.414.114.059.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	169.975.630.579	486.479.953.640	1.810.074.096	1.263.329.500	659.528.987.815
- Khấu hao trong năm	19.332.340.829	58.741.568.864	192.009.549	589.985.336	78.855.904.578
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	189.307.971.408	545.221.522.504	2.002.083.645	1.853.314.836	738.384.892.393
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	232.273.808.205	516.501.273.113	348.604.017	5.023.585.154	754.147.270.489
Tại ngày cuối năm	212.941.467.376	457.481.074.749	1.231.684.665	4.074.939.818	675.729.166.608
- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố					665.963.726.087
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					6.942.925.697
- Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý					-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM**

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐVH khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	27.115.865.482	-	27.115.865.482
Số dư cuối năm	27.115.865.482	-	27.115.865.482
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	9.233.828.483	-	9.233.828.483
- Khấu hao trong năm	1.071.220.007	-	1.071.220.007
Số dư cuối năm	10.305.048.490	-	10.305.048.490
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	17.882.036.999	-	17.882.036.999
Tại ngày cuối năm	16.810.816.992	-	16.810.816.992

5.9. Chi phí trả trước

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	1.486.259.490	3.138.713.095
Chi phí sửa chữa	41.483.976	317.538.538
Công cụ, dụng cụ	1.281.502.016	2.293.725.959
Các khoản khác	163.273.498	527.448.598
b. Dài hạn	18.449.289.935	22.972.879.173
Chi phí sửa chữa	10.818.822.402	18.239.774.419
Công cụ, dụng cụ	7.630.467.533	4.733.104.754
Cộng	19.935.549.425	26.111.592.268



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	63.828.947.412	63.828.947.412	191.636.430.687	184.350.511.606	71.114.866.493	71.114.866.493
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Nguyên (1)	29.715.250.955	29.715.250.955	79.076.816.590	77.004.506.953	31.787.560.592	31.787.560.592
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (2)	34.113.696.457	34.113.696.457	112.559.614.097	107.346.004.653	39.327.305.901	39.327.305.901
b. Gốc vay dài hạn	419.639.669.367	419.639.669.367	2.395.095.923	115.585.151.359	306.449.613.931	306.449.613.931
Từ 1 đến 5 năm	419.639.669.367	419.639.669.367	2.395.095.923	115.585.151.359	306.449.613.931	306.449.613.931
Ngân hàng Phát triển VN - Chi nhánh khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên (3)	242.047.000.000	242.047.000.000	-	70.017.270.930	172.029.729.070	172.029.729.070
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Tây Hồ (4)	138.000.000.000	138.000.000.000	-	36.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Nguyên (5)	30.778.219.318	30.778.219.318	-	7.102.665.990	23.675.553.328	23.675.553.328
Vay dài hạn CBCNV	8.814.450.049	8.814.450.049	2.395.095.923	2.465.214.439	8.744.331.533	8.744.331.533
Cộng	483.468.616.779	483.468.616.779	194.031.526.610	299.935.662.965	377.564.480.424	377.564.480.424

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	01/01/2020 (VND)		31/12/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	83.922.665.990	83.922.665.990	97.056.950.390	97.056.950.390
<i>Ngân hàng phát triển VN - Chi nhánh khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên</i>	52.820.000.000	52.820.000.000	51.586.729.070	51.586.729.070
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Tây Hồ</i>	24.000.000.000	24.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	7.102.665.990	7.102.665.990	9.470.221.320	9.470.221.320
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	483.468.616.779	483.468.616.779	377.564.480.424	377.564.480.424
d.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (d.1 = a + c)	147.751.613.402	147.751.613.402	168.171.816.883	168.171.816.883
d.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (d.2 = b - c)	335.717.003.377	335.717.003.377	209.392.663.541	209.392.663.541

Chi tiết vay theo hợp đồng

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2019/1698437/HĐTD ngày 21/10/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên với Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI với tổng tiền vay tối đa 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Số dư vay tại 31/12/2020 là 31.787.560.592 đồng.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 46087.19.090.502368.TD ngày 22/11/2020 ký giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên với Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI với tổng tiền vay tối đa 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Số dư vay tại 31/12/2020 là 39.327.305.901 đồng.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 029/2007/HĐTD ngày 15/12/2007 và hợp đồng tín dụng đầu tư (sửa đổi, bổ sung) số 69/2014/HĐTD TNHPT ngày 31/12/2014 ký giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên với Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI với tổng tiền vay tối đa 739.800.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm kể từ ngày bên vay nhận khoản giải ngân đầu tiên với lãi suất 8,4%/năm. Tài sản đảm bảo là Dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ nhà máy xi măng Quán Triều". Số dư vay tại 31/12/2020 là 172.029.729.070 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (4) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2016/HĐTD ngày 13/05/2016 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ với Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI với tổng tiền vay tối đa 180.000.000.000 đồng, thời hạn vay 08 năm kể từ thời điểm giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động dân cư VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của ngân hàng cộng (+) 2,8%/năm, được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Tài sản đảm bảo là Dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ nhà máy xi măng Quán Triều" theo hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên với Công ty CP Xi măng Quán Triều VVMI. Số dư vay tại 31/12/2020 là 102.000.000.000 đồng.
- (5) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/1698437/HĐTD ngày 29/06/2015 với mục đích tái cấu trúc dư nợ vay dài hạn đầu tư dự án nhà máy xi măng Quán Triều ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên với Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI với tổng tiền vay tối đa 75.761.770.588. Kỳ hạn trả gốc và lãi là tháng 6 năm 2023. Số dư vay tại 31/12/2020 là 23.675.553.328 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.11. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	183.365.015.421	183.365.015.421	191.092.022.376	191.092.022.376
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	60.381.966.575	60.381.966.575	63.564.083.150	63.564.083.150
Công ty Than Núi Hồng - VVMI	70.937.270.486	70.937.270.486	72.125.980.575	72.125.980.575
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	28.420.300.390	28.420.300.390	29.747.469.479	29.747.469.479
Các nhà cung cấp khác	23.625.477.970	23.625.477.970	25.654.489.172	25.654.489.172
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	183.365.015.421	183.365.015.421	191.092.022.376	191.092.022.376
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	41.319.237.061	41.319.237.061	40.690.063.725	40.690.063.725
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	40.381.966.575	40.381.966.575	38.564.083.150	38.564.083.150
Công ty Than Núi Hồng - VVMI - CN Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	937.270.486	937.270.486	2.125.980.575	2.125.980.575
d. Phải trả người bán là các bên liên quan : Xem mục 8.3 - Thông tin về các bên liên quan				



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2020</u> <u>(VND)</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>31/12/2020</u> <u>(VND)</u>
Thuế giá trị gia tăng	22.183.937.744	21.007.447.146	22.840.000.000	20.351.384.890
Thuế thu nhập cá nhân	24.636.222	90.369.637	101.482.770	13.523.089
Thuế tài nguyên	34.380.990	36.571.590	52.413.930	18.538.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.050.084.536	1.087.219.505	575.348.582	1.561.955.459
Thuế đất và tiền thuê đất	-	10.454.553	10.454.553	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	63.354.113	63.354.113	-
Cộng	<u>23.293.039.492</u>	<u>22.295.416.544</u>	<u>23.643.053.948</u>	<u>21.945.402.088</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVM
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.13. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
a. Ngắn hạn	855.213.798	1.173.224.676
Lãi vay	729.479.498	900.040.676
Các khoản trích trước khác	125.734.300	273.184.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	855.213.798	1.173.224.676

5.14. Phải trả khác

	<u>31/12/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
a. Ngắn hạn	221.550.834	1.044.722.460
Kinh phí công đoàn	102.268.420	153.347.143
Đoàn phí công đoàn	5.567.625	50.729.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác	113.714.789	840.645.867
b. Dài hạn	-	-
Cộng	221.550.834	1.044.722.460



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	-	-	(132.803.657.853)	117.196.342.147
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	27.230.029.982	27.230.029.982
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	250.000.000.000	-	-	(105.573.627.871)	144.426.372.129
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	35.585.473.819	35.585.473.819
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	-	-	(69.988.154.052)	180.011.845.948

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM**

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	212.280.140.000	212.280.140.000
Vốn góp của đối tượng khác	37.719.860.000	37.719.860.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu		

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	250.000.000.000	250.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	665.131.731.964	663.862.000.168
Doanh thu bán hàng	661.978.411.225	660.978.801.816
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.153.320.739	2.883.198.352

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	550.850.692.818	549.829.132.571
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.984.809.479	16.284.987
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	185.418.971	-
Cộng	554.020.921.268	549.845.417.558

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền gửi	10.145.200	9.765.954
Cộng	10.145.200	9.765.954

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền vay	37.776.735.232	47.785.930.136
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	6.534.763.218	6.717.010.157
Cộng	44.311.498.450	54.502.940.293

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tiền nhà tập thể	-	23.409.091
Thu tiền bồi thường hỗ trợ dự án nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh	-	537.613.341
Các khoản khác	10.190.819	65.438.994
Cộng	10.190.819	626.461.426

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6 Chi phí khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Khấu hao nhà ở công nhân	-	21.454.546
Quyết toán chi phí đầu tư DAHT	278.629.500	-
Các khoản khác	38.186.363	2.946.565
Cộng	316.815.863	24.401.111

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.340.196.129	20.209.282.473
Chi phí nhân viên	10.862.397.071	9.693.812.354
Chi phí khác bằng tiền	4.171.402.581	3.706.979.764
Các khoản khác	6.306.396.477	6.808.490.355
b. Chi phí bán hàng	10.173.519.243	12.642.567.226
Chi phí nhân viên	5.378.700.691	5.077.540.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.948.865.181	5.738.281.951
Chi phí bằng tiền khác	1.874.612.808	948.919.923
Các khoản khác	971.340.563	877.825.206
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.683.576.294)	(1.006.495.631)
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu	(1.683.576.294)	(1.006.495.631)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	428.386.298.823	262.590.816.322
Chi phí nhân công	45.013.801.342	39.948.837.369
Chi phí khấu hao TSCĐ	79.927.124.585	79.461.752.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.577.707.309	110.220.403.440
Chi phí khác bằng tiền	27.781.220.384	82.561.034.254
Cộng	591.686.152.443	574.782.843.390

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMİ**

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.672.693.324	28.280.114.518
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	566.415.863	17.065.014.958
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>566.415.863</i>	<i>17.065.014.958</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	37.239.109.187	45.345.129.476
- Chuyển lỗ năm trước	-	(24.343.438.751)
- Thu nhập tính thuế	37.239.109.187	21.001.690.725
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.723.910.919	2.100.169.072
- Thuế TNDN được miễn giảm (thuế suất ưu đãi miễn giảm 50%) <i>(Thuế TNDN được giảm theo TT96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015)</i>	(1.861.955.459)	(1.050.084.536)
- Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP	(774.735.955)	-
- Thuế TNDN phải nộp	1.087.219.505	1.050.084.536
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.087.219.505	1.050.084.536

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	35.585.473.819	27.230.029.982
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	35.585.473.819	27.230.029.982
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.423	1.089

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 194.031.526.610 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 299.935.662.965 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.334.668.634	-	6.334.668.634
Phải thu khách hàng	38.829.824.454	-	38.829.824.454
Phải thu khác	1.637.529.573	-	1.637.529.573
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(10.058.634.681)	-	(10.058.634.681)
Tổng cộng	36.743.387.980	-	36.743.387.980
Ngày 31/12/2020			
Các khoản vay và nợ	168.171.816.883	209.392.663.541	377.564.480.424
Phải trả người bán	183.365.015.421	-	183.365.015.421
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.076.764.632	-	1.076.764.632
Tổng cộng	352.613.596.936	209.392.663.541	562.006.260.477
Chênh lệch thanh khoản thuần	(315.870.208.956)	(209.392.663.541)	(525.262.872.497)
Ngày 01/01/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.890.694.879	-	7.890.694.879
Phải thu khách hàng	39.635.895.565	-	39.635.895.565
Phải thu khác	2.094.000.181	-	2.094.000.181
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.742.210.975)	-	(11.742.210.975)
Tổng cộng	37.878.379.650	-	37.878.379.650
Ngày 01/01/2020			
Các khoản vay và nợ	147.751.613.402	335.717.003.377	483.468.616.779
Phải trả người bán	191.092.022.376	-	191.092.022.376
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.217.947.136	-	2.217.947.136
Tổng cộng	341.061.582.914	335.717.003.377	676.778.586.291
Chênh lệch thanh khoản thuần	(303.183.203.264)	(335.717.003.377)	(638.900.206.641)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	40.467.354.027	41.729.895.746	30.408.719.346	29.987.684.771
<i>Phải thu khách hàng</i>	38.829.824.454	39.635.895.565	30.220.384.548	29.424.857.365
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.637.529.573	2.094.000.181	188.334.798	562.827.406
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.334.668.634	7.890.694.879	6.334.668.634	7.890.694.879
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	6.334.668.634	7.890.694.879	6.334.668.634	7.890.694.879
Tổng cộng	46.802.022.661	49.620.590.625	36.743.387.980	37.878.379.650
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	377.564.480.424	483.468.616.779	377.564.480.424	483.468.616.779
<i>Phải trả người bán</i>	183.365.015.421	191.092.022.376	183.365.015.421	191.092.022.376
<i>Phải trả khác</i>	1.076.764.632	2.217.947.136	1.076.764.632	2.217.947.136
Tổng cộng	562.006.260.477	676.778.586.291	562.006.260.477	676.778.586.291

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker, hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này), do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục 01: Bảng kê hàng hoá, dịch vụ bán với bên liên quan
- Phụ lục 02: Bảng kê mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan;
- Phụ lục 03: Bảng kê các khoản phải thu, phải trả với bên liên quan;

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc và Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	1.302.460.000	1.380.800.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	380.900.000	333.600.000
Tổng cộng	1.683.360.000	1.714.400.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVM
Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN VỚI BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

TT	Tên đơn vị mua	Nội dung	Số lượng	ĐVT	Giá trị
A	B	C	D	E	F
1	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI				7.500.000
		<i>Xi măng bao 30</i>	7,5	Tấn	6.818.182
		<i>Vận chuyển xi măng</i>			681.818
2	Công ty Than Núi Hồng - VVMI - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP				52.700.000
		<i>Xi măng bao 30</i>	53	Tấn	47.700.000
		<i>Vận chuyển xi măng</i>			5.000.000
3	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP				41.800.000
		<i>Xi măng bao 30</i>	38	Tấn	39.900.000
		<i>Vận chuyển xi măng</i>			1.900.000
4	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI				6.543.203.637
		<i>Clinker</i>	5.900,30	Tấn	3.580.901.818
		<i>Xi măng bột 40</i>	4.281,12	Tấn	2.962.301.819
5	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI				518.024.000
		<i>Sắt phế liệu</i>			518.024.000
	Tổng cộng		10.279,92		7.163.227.637

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH TUẤN

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ MUA VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Nội dung	Giá trị mua trong năm
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Than cám, lãi chậm trả	103.334.186.037
2	Công ty Than Núi Hồng - VVMI - CN Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Vỏ bao, dịch vụ, lãi chậm trả	46.257.040.731
3	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI - CN Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Đá vôi thải, lãi chậm trả	20.456.017.807
4	Công ty Nhiệt điện Cao ngạn - TKV	Điện, dầu diezen	491.354.634
5	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Thiết bị, phụ tùng	640.423.000
6	Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Thuê kho	240.000.000
7	Công ty Vật tư Hóa chất mỏ Hà Nội - Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất mỏ - Vinacomin	Bảo hộ lao động, dầu diezen	246.518.850
8	Bệnh Viện Than - Khoáng Sản	Chi phí khám sức khỏe	332.068.400
9	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Bảo hộ lao động, dịch vụ	1.415.607.662
10	Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI	Dịch vụ	865.481.818
11	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Đào tạo, tập huấn	22.348.000
12	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Xi măng	12.689.006.723
13	Công ty CP Phát triển công nghệ và thiết bị mỏ - Chi nhánh Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Dịch vụ	580.743.585
14	Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	Dầu diezen	966.143.647
	Tổng cộng		188.536.940.894

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH TUẤN

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VNĐ

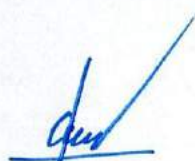
TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ				
		131	138	331	338	341
A	B	1	2		3	4
A	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN					
I	Nợ phải thu	-	-	-	-	-
II	Nợ phải trả	-	-	160.741.553.155	-	-
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	60.381.966.575		
2	Công ty Than Núi Hồng - VVMI - CN Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	70.937.270.486		
3	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI - CN Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	28.420.300.390		
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	82.445.000		
5	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên VVMI	-	-	81.342.400		
6	Công ty CP Phát triển công nghệ và thiết bị mỏ - Chi nhánh Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	-	-	638.817.944		
7	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn TKV - CN Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	-	-	41.332.823		
8	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	-	158.077.537		
B	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN					
I	Nợ phải thu	-	-	-	-	-
II	Nợ phải trả	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH TUẤN



Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2021
 GIÁM ĐỐC

TRẦN VIỆT CƯỜNG